

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 61 TC/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 1994

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chi tiết về thuế và quy định thủ tục thu nộp thuế đối với hợp đồng chia sản phẩm mỏ Đại Hùng

Căn cứ vào quy định tại các Luật và Pháp lệnh về thuế tại Việt nam; căn cứ vào Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam; căn cứ vào các quy định về thuế và các điều khoản tại Hợp đồng chia sản phẩm mỏ Đại hùng ký ngày 15/4/1994, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về thuế và quy định thủ tục thu nộp thuế đối với hợp đồng chia sản phẩm mỏ Đại hùng như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1) Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài và công ty nước ngoài tham gia hợp đồng chia sản phẩm mỏ Đại hùng (sau đây gọi là " Hợp đồng"), bao gồm:

- Liên đoàn ZARUBEZHNEFT tham gia hợp đồng với tư cách là bên tham gia cùng với Chính phủ Việt nam tạo thành " phía tham gia" tại Hợp đồng. (Sau đây gọi là " phía tham gia Nước ngoài").

- Các công ty Nước ngoài BHPP, PETRONAS CARIGALI (CARGALI), TOTAL VIET NAM (TOTAL), ĐAIHUNG OIL DEVELOPMENT (JAPAN) LTD (SUMI TOMO) tham gia Hợp đồng với tư cách nhà thầu Nước ngoài.

2) Các quy định và hướng dẫn về thuế đối với Tổng công ty dầu khí Việt Nam với tư cách phía tham gia Việt Nam và tư cách nhà thầu; đối với trường hợp Chính phủ Việt Nam thu thuế tài nguyên bằng dầu thô sẽ có hướng dẫn riêng.

3) Tại Thông tư này từ " người nộp thuế" , tùy theo từng trường hợp cụ thể có thể là " phía tham gia nước ngoài" hoặc " nhà thầu nước ngoài" , hoặc bao gồm cả " phía tham gia nước ngoài" và " nhà thầu nước ngoài".

II. CÁC LOẠI THUẾ ÁP DỤNG

1) Thuế tài nguyên.

Mỗi công ty nước ngoài tạo thành nhà thầu có nghĩa vụ nộp thuế tài nguyên cho nhà nước Việt nam như sau:

1.1 Cách xác định thuế tài nguyên:

Theo quy định tại Hợp đồng, số thuế tài nguyên được xác định như sau:

$$\text{Thuế tài nguyên} = \text{Sản lượng thầu} \times \text{tính thuế tài nguyên} \times \text{Thuế suất} \times \text{Giá tính thuế}$$

Trong đó:

- Sản lượng dầu tính thuế tài nguyên là sản lượng dầu thực (tính theo thùng) đã chuyển qua điểm giao nhận trong quý tính thuế.
- Thuế suất thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng dầu tính thuế tài nguyên bình quân một ngày trong quý tính thuế theo mức thuế suất lũy tiến từng phần như sau:

Sản lượng dầu tính thuế (thùng/ngày) Thuế suất (%)

- Cho đến 100.000 thùng 25
- Từ thùng thứ 100.001 đến thùng thứ 200.000 35
- Từ thùng thứ 200.001 trở lên 45

$$\text{Sản lượng dầu tính thuế bình quân} = \frac{\text{Sản lượng dầu tính thuế tài nguyên}}{\text{Số ngày sản xuất trong quý}}$$

(ngày sản xuất trong quý là số ngày theo lịch có tiến hành hoạt động sản xuất trong quý; không bao gồm các ngày ngừng sản xuất do mọi nguyên nhân).

- Giá tính thuế là giá bán thực tế bình quân gia quyền trong quý tính thuế của một thùng dầu (tính bằng đô la Mỹ) của mỗi người nộp thuế theo các điều kiện FOB hoặc FIP (giá giao tại đường ống) tại điểm giao nhận (việc quyết toán thuế trên cơ sở giá thực tế).

Trường hợp người nộp thuế bán hoặc định đoạt dầu thô theo các cơ sở khác (không bán dầu thô hoặc không bán theo giá FOB hoặc FIP.) thì cơ quan thu thuế sẽ ấn định

giá tính thuế tài nguyên theo nguyên tắc nêu trên tại ngày " vận đơn" (ngày ghi trên vận đơn của mỗi chuyến chở dầu thô tại điểm giao nhận) sau khi tham khảo ý kiến của Tổng công ty dầu khí Việt nam.

Trường hợp người nộp thuế bán dầu không theo quy định " giao dịch sòng phẳng" hoặc cố tình bán theo giá thấp thì giá tính thuế sẽ được xác định theo các nguyên tắc quy định tại Hợp đồng về việc xác định giá thị trường cho các trường hợp này. Trong khi chờ đợi quyết định giá thị trường cho trường hợp này, cơ quan thuế sẽ tạm ấn định giá tính thuế sau khi tham khảo ý kiến của Tổng công ty dầu khí Việt nam. Chênh lệch phát sinh giữa giá tạm ấn định của cơ quan thuế và giá thị trường được xác định theo các quy định tại Hợp đồng sẽ được điều chỉnh vào mỗi kỳ quyết toán thuế.

Thí dụ: trong quý tính thuế tổng số dầu thực tế là 11.700.000 thùng.

Số ngày sản xuất trong quý: 78 ngày

Sản lượng dầu bình	11.700.000 thùng		
quân 1 ngày trong	=	=	150.000 thùng/
quý	78 ngày		ngày

Số dầu thuế tài nguyên phải nộp trong quý:

$(100.000 \text{ thùng} \times 25\% \times 78 \text{ ngày}) + (50.000 \text{ thùng} \times 35\% \times 78 \text{ ngày}) = 3.315.000$ thùng

1.2 Đối tượng nộp thuế tài nguyên và chế độ thu nộp thuế tài nguyên:

a- Đối tượng nộp thuế tài nguyên:

Các nhà thầu Nước ngoài là đối tượng nộp thuế tài nguyên, tương ứng với tỷ lệ tham gia của mỗi nhà thầu tại Hợp đồng.

b- Chế độ thu nộp thuế tài nguyên:

Thuế tài nguyên được tạm nộp hàng tháng và quyết toán hàng quý (quý theo ngày dương lịch) theo quy định sau đây:

b1- Tạm nộp hàng tháng:

Số thuế tài nguyên tạm nộp hàng tháng của mỗi nhà thầu nước ngoài bằng 20% giá trị hoá đơn mỗi chuyến hàng của nhà thầu được chia trong tháng (hoặc 20% giá thị trường trong trường hợp các nhà thầu định đoạt dầu thô theo các cơ sở khác).

- Chậm nhất sau 5 ngày đầu của mỗi tháng, các nhà thầu nước ngoài phải nộp xong số thuế tài nguyên tạm nộp của tháng trước và gửi cho cơ quan thuế bản kê khai thuế tài nguyên (theo mẫu số 1 đính kèm) kèm theo bản sao giấy nộp tiền thuế tài nguyên.

Quá thời hạn nêu trên, nếu các nhà thầu nước ngoài chưa gửi bản kê khai thuế tài nguyên cho các cơ quan thuế thì cơ quan thuế có quyền ấn định số thuế tài nguyên, phát hành thông báo thuế cho các nhà thầu nước ngoài và chậm nhất trong vòng 3 ngày, kể từ khi nhận được thông báo, các nhà thầu nước ngoài phải nộp đủ số thuế ghi tại thông báo nộp thuế của cơ quan thuế vào Kho bạc Nhà nước do cơ quan thuế chỉ định.

b2- Quyết toán hàng quý:

- Chậm nhất sau 30 ngày của quý sau, các nhà thầu nước ngoài phải kê khai và gửi bản kê khai thuế tài nguyên của quý trước cho cơ quan thuế (theo mẫu số 2 đính kèm) để cơ quan thuế quyết toán số thuế tài nguyên chính thức phải nộp của các nhà thầu nước ngoài trong quý trước.

- Khi quyết toán thuế hàng quý, nếu số thuế tạm nộp hàng tháng lớn hơn số thuế phải nộp của quý thì số thuế nộp thừa sẽ được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ nộp thuế tiếp theo. Trường hợp không còn kỳ nộp thuế sau thì cơ quan thuế làm thủ tục thoái trả tiền thuế nộp thừa cho nhà thầu nước ngoài; nếu số thuế tạm nộp hàng tháng ít hơn số thuế phải nộp của quý, thì chậm nhất trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo quyết toán thuế quý, nhà thầu nước ngoài phải nộp số thuế còn thiếu vào Kho bạc Nhà nước và gửi bản sao giấy nộp tiền cho cơ quan thuế.

Quá thời hạn nói trên, nếu các nhà thầu nước ngoài chưa gửi bản kê khai thuế tài nguyên cho cơ quan thuế thì cơ quan thuế có quyền ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trong quý, phát hành thông báo thuế cho các nhà thầu nước ngoài thông báo rõ số thuế ấn định, số thuế đã tạm nộp hàng tháng, số thuế nộp thừa được bù vào kỳ

nộp thuế tiếp theo hoặc số thuế nộp thiếu phải nộp tiếp. Trong vòng 3 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, các nhà thầu nước ngoài phải nộp số thuế còn thiếu theo quy định của cơ quan thuế tại thông báo thuế. Số thuế tài nguyên chính thức phải nộp của quý đó sẽ được quyết toán chính thức vào cuối năm tài chính.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai thuế tài nguyên quý của các nhà thầu nước ngoài, cơ quan thuế có trách nhiệm phát hành thông báo quyết toán thuế của quý đó cho các nhà thầu nước ngoài (theo mẫu số 3 đính kèm).

2) Thuế lợi tức:

2.1 Đối tượng nộp thuế và chịu thuế lợi tức:

- Mỗi công ty tạo thành nhà thầu nước ngoài đều là đối tượng nộp thuế lợi tức.
- Lợi tức của mỗi nhà thầu nước ngoài thu được từ hoạt động dầu khí và lợi tức phụ (nếu có) là đối tượng chịu thuế lợi tức.

2.2 Tính thuế lợi tức: Thuế lợi tức = Lợi tức chịu thuế x Thuế suất

2.3 Cách xác định lợi tức chịu thuế:

a. Lợi tức từ hoạt động dầu khí:

Lợi tức chịu thuế được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi tức} & & \text{Sản lượng} & & \text{Số lượng dầu thuế} & & \text{Số lượng dầu} & & \text{Giá tính} \\ \text{chịu thuế} & = & \text{dầu thực} & - & \text{tài nguyên} & - & \text{thu hồi chi phí} & \times & \text{thuế} \end{array}$$

Trong đó:

- Sản lượng dầu thực, số lượng dầu thuế tài nguyên được xác định như quy định tại phần II 1.1 Thông tư này.
- Số lượng dầu thu hồi chi phí (tính theo quý) được xác định trên cơ sở chi phí hoạt động dầu khí cần được thu hồi và giá thị trường bình quân thực tế một thùng dầu của quý trước quý tính thuế theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng dầu thu hồi} \\ \text{Chi phí của quý tính thuế} \end{array} = \frac{\text{Chi phí hoạt động dầu khí phải thu hồi}}{\text{Giá thị trường bình quân thực tế quý trước quý tính thuế}}$$